

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2024/DS-ST
Ngày: 27-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình

2. Ông Trần Văn Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 601/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐXXST-DS ngày 22/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa xét xử số 35/2024/QĐST-DS ngày 10/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tạ Thanh N, sinh năm 1975; hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Lê Văn V, sinh năm 1986; hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà Tạ Thanh N có mặt. Bị đơn ông Lê Văn V vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/02/2024, quá trình tố tụng giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà Tạ Thanh N) trình bày:

Bà Tạ Thanh N và ông Lê Văn V có mối quan hệ là người cùng ấp nên quen biết nhau.

Bà N có vay của ông V vay số tiền 150.000.000 đồng theo chứng cứ “Hợp đồng mượn tiền” ngày 13/02/2022. Khi vay tiền thì ông V là người lập nội dung giấy vay tiền và đồng ý tự nguyện ký tên “Lê Văn V” tại mục “Bên mượn tiền”, đồng thời cam kết đến ngày 13/02/2023 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền trên. Tổng số vay 150.000.000 đồng, ông V sử dụng vào mục đích làm ăn cá nhân. Mặc dù trong “Hợp đồng mượn tiền” không thể hiện lãi suất, tuy nhiên hai bên có thỏa thuận miệng về tiền lãi 2% nhưng chưa đóng lãi suất gì cho bà N. Ngoài số tiền 150.000.000 đồng thì phía ông V không có vay tiền gì của bà N nữa. Khi đến thời hạn trả nợ, phía ông V cứ hứa hẹn không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết của mình nên phát sinh tranh chấp. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà N giữ nguyên yêu cầu ông V thanh toán tiền vay gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 14/02/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất nhà nước quy định.

Ngoài ra, nguyên đơn không có tranh chấp gì khác.

- Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn (ông Lê Văn V) trình bày:
Do phía bị đơn không có mặt tham gia buổi hòa giải, xét xử nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng phát biểu tại phiên tòa:

Quan hệ pháp luật của vụ kiện là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng đầy đủ, tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục.

Nội dung vụ án: Nguyên đơn bà N cung cấp “Hợp đồng mượn tiền” được viết theo mẫu đánh máy sẵn, nội dung: ngày 13/02/2022, ông V vay của bà N 150.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 13/02/2022 đến 13/02/2023, không thỏa thuận lãi suất.

Đến nay, do ông V không trả tiền cho bà N nên bà N khởi kiện. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông V vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông V. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vì vậy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Căn cứ vào các chứng cứ của đương sự cung cấp, Tòa án thu thập và quy định của pháp luật tại các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N, buộc bị đơn ông V trả cho nguyên đơn bà N số tiền 150.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/02/2024, nguyên đơn bà Tạ Thanh N khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Văn V thanh toán số tiền vay 150.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do Nhà nước quy định. Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc xác định tư cách tham gia tố tụng là phù hợp quy định của pháp luật.

[1.2] Quá trình xác minh thu thập chứng cứ thể hiện phía bị đơn ông Lê Văn V hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

[1.3] Tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn V được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn V theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 13/02/2022, ông Lê Văn V có vay của bà Tạ Thanh N số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) thể hiện tại chứng cứ “Hợp đồng mượn tiền”. Ông Lê Văn V là người trực tiếp lập trên cơ sở mẫu giấy A4 đánh máy in sẵn và ghi thêm nội dung thông tin người vay tiền, số tiền vay, thời hạn thanh toán, văn bản này được lập tại nhà của nguyên đơn bà Tạ Thanh N. Sau đó, ông Lê Văn V đã đọc lại toàn bộ nội dung của văn bản này và tự nguyện ký tên “Lê Văn V” xác nhận tại mục “Bên mượn tiền” trước sự chứng kiến của bà Tạ Thanh N; chứng cứ này được lập thành 01 bản và giao cho nguyên đơn cất giữ. Nội dung trong “Hợp đồng mượn tiền” ngày 13/02/2022 thỏa thuận là ông Lê Văn V vay số tiền trên trong thời hạn 12 tháng và đến ngày 13/02/2023 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền trên cho bà Tạ Thanh N nhưng hiện nay phía ông Lê Văn V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Lê Văn V làm việc, đồng thời tiến hành niêm yết công khai chứng cứ “Hợp đồng mượn tiền” ngày 13/02/2022. Sau đó, Tòa án đã tiến hành 02 lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để đảm bảo quyền lợi của mình nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt, tự ý từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến của bị đơn. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng là hoàn toàn có thật và đến thời hạn thanh toán phía ông Lê Văn V không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ là vi phạm Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Thanh N là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tạ Thanh N tiếp tục yêu cầu Tòa án xem xét phần lãi suất cơ bản do Nhà nước quy định đối với số tiền gốc 150.000.000 đồng, tính từ ngày 14/02/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất nhà nước quy định. Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi đến thời hạn trả nợ, phía bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết, xét nguyên nhân đây là lỗi cố ý của bị đơn là cố tình kéo dài vụ án, không hoàn trả tài sản đã nhận của người khác và nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần xem xét đến mức lãi suất phát sinh đối với số tiền gốc 150.000.000 đồng tính từ ngày 14/02/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/6/2024 là 16 tháng 13 ngày. Như vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định mức lãi suất tại thời điểm xét xử là 10%/năm (tương ứng với 0,83%/tháng) và phù hợp với khoản 2 Điều 5; Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, tiền lãi suất xác định như sau: $150.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 16 \text{ tháng} = 19.920.000 \text{ đồng}$ và $150.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 13 \text{ ngày} = 539.500 \text{ đồng}$. Tổng số tiền lãi suất là $19.920.000 \text{ đồng} + 539.500 \text{ đồng} = 20.459.500 \text{ đồng}$. Vì vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi buộc bị đơn ông Lê Văn V có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Tạ Thanh N là $150.000.000 \text{ đồng} + 20.459.500 \text{ đồng} = 170.459.500 \text{ đồng}$.

[4] Xét, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về phần thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn ông Lê Văn V phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn trả lại cho bà Tạ Thanh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.123.500 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 4, 5, 26, 35, 39, 68, 147, 186, 235, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thanh N đối với ông Lê Văn V về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc ông Lê Văn V có nghĩa vụ thanh toán cho bà Tạ Thanh N số tiền 170.459.500 đồng (một trăm bảy mươi triệu bốn trăm năm mươi chín ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bà Tạ Thanh N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Lê Văn V chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Văn V phải nộp số tiền 8.522.975 đồng (tám triệu năm trăm hai mươi hai ngàn chín trăm bảy mươi lăm đồng).

- Hoàn trả cho bà Tạ Thanh N 4.123.500 đồng (bốn triệu một trăm hai mươi ba ngàn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002417 ngày 28/11/2023 và biên lai thu số 0002630 ngày 05/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/6/2024).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Xuân Nam